

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.362.402.595.994	1.081.237.243.346
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	69.127.786.434	447.941.620.899
1. Tiền	111		26.127.786.434	4.541.620.899
2. Các khoản tương đương tiền	112		43.000.000.000	443.400.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		90.254.179.400	91.777.426.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	138.752.100.688	135.272.860.688
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(48.497.921.288)	(43.495.434.688)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		379.648.581.926	339.318.285.852
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	48.723.361.309	27.630.296.444
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	314.668.106.206	296.980.028.573
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	16.516.204.401	14.967.550.825
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(259.089.990)	(259.589.990)
IV. Hàng tồn kho	140		641.400.409.330	109.278.230.493
1. Hàng tồn kho	141	V.8	641.400.409.330	109.278.230.493
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.9	-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		181.971.638.904	92.921.680.102
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	1.027.800.170	23.129.775.755
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.11	180.943.838.734	69.791.904.347
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		368.102.325.654	376.368.557.515
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		13.557.051.813	13.557.051.813
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.12	13.557.051.813	13.557.051.813
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
II. Tài sản cố định		220		182.678.181.146	182.011.864.157
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.13	158.298.848.950	162.170.060.646
	<i>Nguyên giá</i>	222		<i>1.043.934.043.284</i>	<i>1.034.156.401.508</i>
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		<i>(885.635.194.334)</i>	<i>(871.986.340.862)</i>
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.14	1.517.375.721	1.716.191.040
	<i>Nguyên giá</i>	228		<i>6.315.199.921</i>	<i>6.192.349.921</i>
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		<i>(4.797.824.200)</i>	<i>(4.476.158.881)</i>
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.15	22.861.956.475	18.125.612.471
III. Bất động sản đầu tư		240		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		250		164.922.831.682	173.546.426.882
1.	Đầu tư vào công ty con	251	V.16	65.946.593.886	62.746.593.886
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.17	41.086.790.000	41.086.790.000
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.18	73.835.479.956	85.659.075.156
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.19	(15.946.032.160)	(15.946.032.160)
V. Tài sản dài hạn khác		260		6.944.261.013	7.253.214.663
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.20	6.944.261.013	7.253.214.663
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.29	-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		1.730.504.921.648	1.457.605.800.861
NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		559.182.238.852	294.338.034.253
I. Nợ ngắn hạn		310		484.855.879.160	234.810.577.045
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.21	77.578.193.228	13.850.876.141
2.	Phải trả người bán	312	V.22	235.692.474.129	73.656.767.436
3.	Người mua trả tiền trước	313	V.23	29.938.216.000	39.251.240.683
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.24	54.773.090.069	52.521.391.316
5.	Phải trả người lao động	315		35.715.694.122	19.712.055.247
6.	Chi phí phải trả	316	V.25	11.679.334.274	1.234.943.793
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.26	23.631.505.896	17.016.192.126
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		15.847.371.442	17.567.110.303

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
II. Nợ dài hạn	330		74.326.359.692	59.527.457.208
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.27	-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.28	-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.29	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.30	920.392.120	778.789.158
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		73.405.967.572	58.748.668.050
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.171.322.682.796	1.163.267.766.608
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.170.404.245.219	1.162.301.080.580
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.31	400.000.000.000	400.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.31	280.426.411.784	280.426.411.784
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.31	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.31	125.345.033.179	125.345.033.179
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.31	26.681.032.198	26.681.032.198
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.31	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.31	337.951.768.058	329.848.603.419
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		918.437.577	966.686.028
1. Nguồn kinh phí	432	V.33	421.576.114	421.576.114
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433	V.34	496.861.463	545.109.914
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.730.504.921.648	1.457.605.800.861

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	V.35	79.119.904.762	94.012.857.143
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	V.36	610.503.034	610.503.034
5. Ngoại tệ các loại:		-	-
Dollar Mỹ (USD)		9.102.796,94	3.650.186,81
Euro (EUR)		-	-
...		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập ngày 15 tháng 04 năm 2011

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Tổng giám đốc**

Đỗ Thị Thanh Hà

Lê Thị Huệ

Lê Văn Thanh

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I-Năm nay	Quý I-Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	374.379.110.167	253.922.841.291
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	374.379.110.167	253.922.841.291
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	228.095.975.493	144.509.426.785
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		146.283.134.674	109.413.414.506
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	16.798.405.333	5.158.112.070
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	5.940.013.215	3.185.028.217
Trong đó: chi phí lãi vay	23		937.526.615	1.299.998.606
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	2.514.896.448	4.006.404.406
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	22.372.357.813	16.513.335.600
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		132.254.272.531	90.866.758.353
11. Thu nhập khác	31	VI.7	41.891.542	17.294.886
12. Chi phí khác	32	VI.8	218.902.369	33.901.601
13. Lợi nhuận khác	40		(177.010.827)	(16.606.715)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		132.077.261.704	90.850.151.638
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.24	33.045.748.924	22.738.817.835
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>99.031.512.780</u>	<u>68.111.333.803</u>
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>2.476</u>	<u>2.308</u>

Lập ngày 15 tháng 04 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Đỗ Thị Thanh HàLê Thị HuệLê Văn Thanh

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I - Năm nay	Quý I - Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		132.077.261.704	90.850.151.638
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		13.755.125.365	18.322.605.166
- Các khoản dự phòng	03		5.144.089.562	1.448.244.760
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	-	41.750.264
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.500.000.000)	85.246.448
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	937.526.615	1.299.998.606
- Các khoản chi trực tiếp từ lợi nhuận	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		144.414.003.246	112.047.996.882
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(44.709.974.571)	10.193.078.543
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(532.122.178.837)	(331.433.034.436)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		177.753.125.657	135.692.129.774
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(79.685.980.469)	8.296.597.424
- Tiền lãi vay đã trả	13		(114.697.423)	(1.263.567.419)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(26.579.140.140)	(12.220.125.443)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		3.625.395.458	3.116.271.574
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.504.345.435)	(4.228.829.566)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(358.923.792.514)	(79.799.482.667)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(18.262.231.238)	(440.873.666)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.500.000.000)	(50.919.704.468)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		900.000.000	71.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(4.247.644.800)	(26.669.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		18.750.000.000	630.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	-	2.146.765.683
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5.359.876.038)	(3.752.812.451)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.31	-	
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		69.400.000.000	50.139.679.452
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(5.672.682.913)	(58.747.340.854)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(78.257.483.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(14.530.165.913)	(8.607.661.402)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(378.813.834.465)	(92.159.956.520)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	447.941.620.899	153.714.090.879
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	69.127.786.434	61.554.134.359

Lập ngày 15 tháng 04 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Đỗ Thị Thanh Hà

Lê Thị Huệ

Lê Văn Thanh

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Công nghiệp đường, cồn, nha, nước uống có cồn và không có cồn; Chế biến các sản phẩm sau đường, nông, lâm sản, thức ăn gia súc; Dịch vụ vận tải, cơ khí, cung ứng vật tư nguyên liệu; Sản xuất và cung ứng giống cây, con, tiêu thụ sản phẩm; Chăn nuôi bò sữa, chế biến sữa, bò thịt, chế biến các sản phẩm cao su, giấy bao bì carton, kinh doanh thương mại, khách sạn ăn uống; Xuất nhập khẩu các sản phẩm trên và tài sản cố định, máy móc, thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế phục vụ cho sản xuất kinh doanh; Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; Sản xuất kinh doanh CO₂ (khí, lỏng, rắn); Nghiên cứu và phát triển khoa học nông nghiệp, công nghiệp; Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt; Dịch vụ sửa chữa và gia công máy móc, thiết bị; Dịch vụ làm đất nông, lâm nghiệp.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2011.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên phần mềm máy tính (Hệ thống quản trị doanh nghiệp ERP- Oracle E-Business Suite).

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc và thiết bị	04 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 – 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 10

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời hạn sử dụng đất.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 05 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Tiền thuê đất, thuê kho trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là ½ tháng lương cho mỗi năm công tác tại công ty. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Trích lập Quỹ Khoa học và Phát triển công nghệ:

Trong kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 31/03/2011, Công ty thực hiện trích lập quỹ khoa học và phát triển công nghệ với tỷ lệ 10% thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và phản ánh số trích lập trên chỉ tiêu “Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ”

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

14. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối năm. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm 31/12/2010:	18.932 VND/USD
31/03/2011:	20.703 VND/USD

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối năm.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	93.122.477	189.493.187
Tiền gửi ngân hàng	26.034.663.957	4.352.127.712
Các khoản tương đương tiền	43.000.000.000	443.400.000.000
Cộng	<u>69.127.786.434</u>	<u>447.941.620.899</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn				90.272.860.688
- Cổ phiếu		91.252.100.688		90.272.860.688
+ STB	1.136.835	33.966.705.956	1.136.835	33.966.705.956
+ BVH	21.500	258.000.000	-	-
+ VCB	290.682	22.166.820.000	218.558	21.445.580.000
+ VFMVFI	84.790	2.685.074.732	84.790	2.685.074.732
+ VFMVF4	2.970.000	30.145.500.000	2.970.000	30.145.500.000
+ VFMVFA	200.000	2.030.000.000	200.000	2.030.000.000
- Trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu		-		-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư ngắn hạn khác		47.500.000.000		45.000.000.000
- Cho vay ngắn hạn		45.000.000.000		45.000.000.000
+ Công ty CP phân bón Lam Sơn		45.000.000.000		45.000.000.000
+ Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển		2.500.000.000		-
Cộng		138.752.100.688		135.272.860.688

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(48.497.921.288)	(43.495.434.688)

Ghi chú: Biến động giữa số cuối kỳ so với số đầu năm do trích lập dự phòng giảm giá cổ phiếu niêm yết tại thời điểm 31/03/2011.

4. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH NGK Cocacola Việt Nam - Tại Hà Nội	9.020.000.000	-
Công ty TNHH Pesico Việt Nam - CN Hà Nội	16.075.000.069	18.775.999.963
Công ty CP thực phẩm Lam Sơn	6.526.000.000	6.526.000.000
Công ty TNHH Thương mại ĐT%DL Lam Sơn	11.706.200.000	-
Các khách hàng khác	5.396.161.240	2.328.296.481
Cộng	48.723.361.309	27.630.296.444

5. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ứng trước cho người trồng mía	91.917.029.053	79.924.619.712
Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	-	10.375.691.191
Nông trường Lam Sơn	-	7.571.792.515
Nông trường Sông Âm	-	4.929.589.414
Nông trường Thống Nhất	-	6.652.526.725
Công ty CP cơ giới NN Lam Sơn	12.610.185.291	5.910.185.291
Công ty CP phân bón Lam Sơn	29.998.974.500	30.007.374.500
Công ty CP vận tải Lam Sơn	9.380.198.117	25.389.294.397
Công ty TNHH Tân An	1.002.276.000	1.632.276.000
Công ty TNHH SX và thương mại Phú Bình	-	1.809.000.000
Công ty Alfalaval Thai Lan	7.521.728.295	8.277.636.565
Công ty thương mại Thanh Trang	4.089.820.092	1.821.225.354

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP tư vấn xây dựng thương mại 68	2.019.500.000	1.009.750.000
National Heavy Engineering CO-Operative LTD	111.162.242.400	97.479.303.730
Công ty CP công nghệ và thương mại T&T	5.505.156.000	3.305.156.000
Công ty CP du lịch và thương mại Thanh Xuân	-	2.587.500.000
Công ty CP đầu tư Hà Thanh	6.600.000.000	-
Công ty CP Xây dựng số 3	18.650.000.000	-
Các khách hàng khác	14.210.996.458	8.297.107.179
Cộng	<u><u>314.668.106.206</u></u>	<u><u>296.980.028.573</u></u>

6. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản cho vay:	3.980.800.000	3.980.800.000
<i>Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn</i>	1.800.000.000	1.800.000.000
<i>Công ty Cổ phần Vận tải Lam Sơn</i>	2.180.800.000	2.180.800.000
Phải thu CB CNV trả nợ tiền vay Ngân hàng		
Công thương Thanh Hóa (Công ty bảo lãnh)	182.081.212	182.081.212
Dự thu lãi tiền gửi NH có kỳ hạn	995.944.444	3.300.200.000
Dự thu lãi vay - Công ty CP ĐT TM Lam Sơn	425.775.000	237.675.000
Dự thu lãi vay - Công ty CP Phân bón Lam Sơn	1.941.666.667	254.166.667
Dự thu lãi vay - Công ty CP giấy Lam Sơn	1.772.566.533	1.772.566.533
Phải thu Công ty CP rượu VN - Thụy Điển	81.250.000	-
Công ty TNHH Lam Sơn – Sao Vàng	1.798.654.431	1.798.654.431
Công ty CP ĐT PT Lam Sơn - Bá Thước	2.185.858.818	-
Các khoản phải thu khác	3.151.607.296	3.441.406.982
Cộng	<u><u>16.516.204.401</u></u>	<u><u>14.967.550.825</u></u>

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(259.089.990)	(259.589.990)

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	33.609.408.287	21.846.829.745
Công cụ, dụng cụ	738.781.504	928.784.885
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	10.971.087.049	9.311.812.830
Thành phẩm	586.170.268.551	76.841.504.517
Hàng hóa	9.910.863.939	349.298.516
Cộng	<u><u>641.400.409.330</u></u>	<u><u>109.278.230.493</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	-	-
Cộng	-	-

10. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào CP SXKD trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Chi phí kiểm tu	12.307.275.025		11.856.642.496		450.632.529
Công cụ dụng cụ	91.355.530		91.355.530		-
Chi phí điện lưới	504.544.164	2.269.696.261	2.755.484.766		18.755.659
Bảo hộ LĐ	240.972.820		240.718.616		254.204
Chi phí chênh lệch giá ngọn giống mía	147.105.400	-	-	-	147.105.400
Chi phí khác	9.838.522.816	1.516.344.556	10.943.814.994		411.052.378
Cộng	23.129.775.755	3.786.040.817	25.888.016.402		1.027.800.170

11. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	1.732.872.752	1.058.673.465
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	179.210.965.982	68.733.230.882
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
Cộng	180.943.838.734	69.791.904.347

12. Phải thu dài hạn khác:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ứng trước cho người bán	-	-
Các khoản phải thu dài hạn khác:	13.557.051.813	13.557.051.813
- Nông trường Thống Nhất (DA tưới nước)	1.749.909.808	1.749.909.808
- Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng (DA tưới nước)	6.707.117.725	6.707.117.725
- Nông trường Sông Âm (DA tưới nước)	1.086.424.328	1.086.424.328
- Phải thu dài hạn khác	4.013.599.952	4.013.599.952
Cộng	13.557.051.813	13.557.051.813

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	206.750.060.434	747.066.852.475	57.475.438.891	22.864.049.708		1.034.156.401.508
Tăng trong kỳ						
<i>Mua sắm mới</i>	184.024.545	2.640.806.006	68.000.000	47.590.914		2.940.421.465
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>	6.837.220.311					6.837.220.311
Giảm trong kỳ						
<i>Thanh lý, nhượng bán và góp vốn Chuyển thành CCDC</i>						
<i>Giảm khác (ĐC giá trị tài sản)</i>						
<i>Phân loại lại</i>						
Số cuối kỳ	213.771.305.290	749.707.658.481	57.543.438.891	22.911.640.622		1.043.934.043.284
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	139.128.885.256	670.398.411.749	43.803.147.485	18.655.896.372		871.986.340.862
Tăng trong kỳ						
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	2.841.963.644	9.411.533.457	880.069.479	299.893.466		13.433.460.046
<i>Khấu hao TSCĐ phúc lợi</i>	215.393.426					215.393.426
<i>Phân loại lại</i>						
Giảm trong kỳ						
<i>Thanh lý, nhượng bán và góp vốn Chuyển thành CCDC</i>						
<i>Phân loại lại</i>						
Số cuối kỳ	142.186.242.326	679.809.945.206	44.683.216.964	18.955.789.838		885.635.194.334
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	67.621.175.178	76.668.440.726	13.672.291.406	4.208.153.336		162.170.060.646
Số cuối kỳ	71.585.062.964	69.897.713.275	12.860.221.927	3.955.850.784		158.298.848.950

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Giá trị lợi thế doanh nghiệp	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	745.878.600	5.446.471.321		6.192.349.921
Tăng trong kỳ do mua sắm		122.850.000		122.850.000
Hoàn thành từ XDCB				
Giảm trong kỳ				
Số cuối kỳ	745.878.600	5.569.321.321		6.315.199.921
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	111.881.801	4.364.277.080		4.476.158.881
Tăng trong kỳ do khấu hao	9.323.484	312.341.835		321.665.319
Giảm trong kỳ				
Số cuối kỳ	121.205.285	4.676.618.915		4.797.824.200
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	633.996.799	1.082.194.241		1.716.191.040
Số cuối kỳ	624.673.315	892.702.406		1.517.375.721

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí tăng trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	3.602.143.000	23.252.458		3.625.395.458	-
CT Kho đường số 5	34.300.000	6.802.920.311	6.837.220.311		-
Dự án 02 bể mật ri 6.000m ³	11.208.000				11.208.000
Dự án KS Lam Sơn	1.747.674.436	647.411.610			2.395.086.046
Dự án dịch hèm cô đặc	510.654.400				510.654.400
Dự án nâng cấp NMD2	11.504.701.874	6.197.310.250			17.702.012.124
Dự án trung tâm thương mại 25A	82.727.273				82.727.273
DA sử dụng bã mía làm nhiên liệu phát điện	52.380.952	13.180.000			65.560.952
Dự án văn phòng không giấy-eOffice	105.323.636				105.323.636
Dự án Khu du lịch sinh thái Linh Sơn	474.498.900	1.514.885.144			1.989.384.044
Cộng	18.125.612.471	15.198.959.773	6.837.220.311	3.625.395.458	22.861.956.475

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Đầu tư vào công ty con**

Tên công ty con	Tỷ lệ cổ phần sở hữu		Vốn đầu tư tại 31/03/2011	
	Theo giấy phép	Thực góp	Số lượng	Giá trị
Công ty CP Phân bón Lam Sơn	58,06%	58,06%	900.000	9.000.000.000
Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	100%	100%		21.396.593.886
Công ty CP Cơ giới NN Lam Sơn	78,00%	78,00%	550.000	5.550.000.000
Công ty TNHH Thương mại ĐT&DL Lam Sơn	100%	100%		30.000.000.000
Cộng				65.946.593.886

17. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ cổ phần sở hữu		Vốn đầu tư tại 31/03/2011	
	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ biểu quyết	Số lượng	Giá trị
Công ty CP Du lịch Thanh Hoá	39,01%	39,01%	46.804	6.310.390.000
Công ty CP Đầu tư TM Lam Sơn	28,57%	28,57%	1.000.000	10.000.000.000
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	32,50%	32,50%	2.150.000	21.500.000.000
Công ty CP giấy Lam Sơn	32,04%	42,18%	32.764	3.276.400.000
Cộng				41.086.790.000

18. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Đầu tư trái phiếu				-
+ <i>Trái phiếu Chính phủ</i>		-		-
- Cho vay dài hạn		14.395.789.094		15.295.789.094
+ <i>Công ty CP Giấy Lam Sơn</i>		4.418.400.000		4.418.400.000
+ <i>Công ty CP CG NN Lam Sơn</i>		277.389.094		277.389.094
+ <i>Công ty CP vận tải Lam Sơn</i>		3.100.000.000		4.000.000.000
+ <i>Công ty CP ĐTTM Lam Sơn</i>		6.600.000.000		6.600.000.000
- Đầu tư dài hạn khác		59.439.690.862		70.363.286.062
+ <i>Công ty CP Vận tải Lam Sơn (19% VDL)</i>	19.000	1.900.000.000	19.000	1.900.000.000
+ <i>Trường CDN Lam Kinh</i>		4.097.690.862		3.771.286.062
+ <i>Công ty CP Mía đường Sơn La</i>	-	-	750.000	11.250.000.000
+ <i>Công ty CP Bảo hiểm Viễn Đông (6,71% VDL)</i>	2.314.000	23.142.000.000	2.314.000	23.142.000.000
+ <i>CCQ Đầu tư Chứng khoán con</i>	3.000.000		3.000.000	30.300.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Hồ Việt Nam (6% VDL)		30.300.000.000		
Cộng		73.835.479.956		85.659.075.156

19. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng cho đầu tư chứng khoán dài hạn	(12.307.349.210)	(12.307.349.210)
Dự phòng khoản lỗ của công ty liên kết	(3.638.682.950)	(3.638.682.950)
Cộng	(15.946.032.160)	(15.946.032.160)

20. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	KC vào chi phí SXKD trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Chi phí thuê đất	1.633.057.746	854.856.000	15.638.993		2.472.274.753
Chi phí thuê VP	114.300.000		68.580.000		45.720.000
DA tưới nước ngầm Netafim	5.160.903.583		1.013.585.081		4.147.318.502
Chi phí Website	88.000.000		16.500.000		71.500.000
Chi phí quy hoạch vùng nguyên liệu	256.953.334		49.505.576		207.447.758
Cộng	7.253.214.663	854.856.000	1.163.809.650		6.944.261.013

21. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn đến hạn trả	7.178.193.228	12.850.876.141
Vay ngân hàng, tổ chức tín dụng	69.400.000.000	-
Vay ngắn hạn cán bộ nhân viên Công ty, khác	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	77.578.193.228	13.850.876.141

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số giảm khác trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn NH		69.400.000.000			69.400.000.000
Vay dài hạn NH đến hạn trả	12.850.876.141		5.672.682.913		7.178.193.228
Vay ngắn hạn các ĐT khác	1.000.000.000				1.000.000.000
Cộng	13.850.876.141	69.400.000.000	5.672.682.913		77.578.193.228

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**22. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả tại XNNL	220.110.011.702	65.859.785.728
Phải trả người trồng mía	176.818.655.330	65.859.785.728
Nông trường Lam Sơn	12.825.563.265	-
Nông trường Sông Âm	7.643.045.370	-
Nông trường Thống Nhất	10.825.125.891	-
Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	11.997.621.846	-
Phải trả tại VPCT	15.582.462.427	7.796.981.708
Công ty TNHH Tân An	288.274.348	210.504.348
Công ty Hùng Vương	2.109.768.605	-
Công ty Cổ phần Vận tải Lam Sơn	37.283.966	130.571.966
Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	6.048.000	6.048.000
Công ty CP rượu Việt Nam Thụy Điển	-	748.000.000
Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và kết cấu không gian CEF		2.109.967.000
Netafil	9.806.632.681	
Các nhà cung cấp khác	3.334.454.827	4.591.890.394
Cộng	235.692.474.129	73.656.767.436

23. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP sữa Hà Nội	2.520.000.000	-
Công ty CP đường Biên Hòa	18.805.500.000	-
Công ty Hùng Vương	7.397.000.000	10.185.000.000
Công ty TNHH Vạn Xuân	10.000.000	23.400.000.000
DNTN Thương mại Anh Duy	67.000.000	2.812.700.000
Các khách hàng khác	1.138.716.000	2.853.540.683
Cộng	29.938.216.000	39.251.240.683

24. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	10.151.922.820	11.117.113.338	15.350.659.469		5.918.376.689
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.021.485.000	1.021.485.000		-
Thuế XNK		395.000	395.000		-
Thuế TNDN	42.338.912.977	33.045.748.924	26.579.140.140		48.805.521.761
Thuế TNCN	30.555.519	18.636.100			49.191.619
Tiền thuê đất					
Thuế khác					
Cộng	52.521.391.316	45.203.378.362	42.951.679.609		54.773.090.069

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất như sau:

Ngọn mía giống	Không chịu thuế
Đường, mật ri,	5%
Cồn	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.14.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong Quý - Năm 2011:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế trước khi trích lập quỹ PT KHCN	146.764.261.226	100.956.293.357
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán:	105.733.993	105.119.703
- Các khoản điều chỉnh tăng	105.733.993	105.119.703
<i>Chi phí khấu hao TSCĐ</i>	83.730.628	
<i>Thù lao thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách</i>	21.000.000	
<i>Phạt chậm nộp thuế</i>	1.003.365	
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập tính thuế trước khi trích lập quỹ PT KHCN	146.869.995.219	101.061.412.060
Trích lập 10% quỹ PT KHCN	14.686.999.522	10.106.141.260
Thu nhập tính thuế sau khi trích lập quỹ PT KHCN	132.182.995.697	90.955.270.854
Thuế TNDN hiện hành (25%)	33.045.748.924	22.738.817.835
Lợi nhuận sau thuế TNDN	99.031.512.780	68.111.333.803

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

25. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	822.829.192	11.927.631
Chi phí vận chuyển vật tư, hàng hoá	474.333.831	174.481.579
Chi phí sử dụng điện, hơi, nước phải trả	376.556.886	126.808.746
Chi phí thuê ủi bã	416.510.682	103.480.336
Chi phí hợp đồng bảo vệ vụ ép	2.193.119.649	-
Chi phí thu mua nguyên liệu	4.431.129.533	-
Chi phí dịch vụ phải trả khác	2.964.854.501	818.245.501
Cộng	11.679.334.274	1.234.943.793

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**26. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	3.691.614.397	158.564.348
Kinh phí công đoàn	1.772.952.708	1.039.101.099
Cổ tức phải trả	1.977.210.000	239.390.000
Phải trả cho người lao động về nghỉ dưỡng sức	81.905.000	81.905.000
Phải trả CNV về ốm đau, thai sản	201.733.927	61.475.092
Các Quỹ ủng hộ nhân viên đóng góp	14.830.669.073	14.830.669.073
Hoàn ứng	146.196.274	128.711.138
Tiền thưởng vượt KH lợi nhuận	722.004.759	280.656.618
Các khoản phải trả khác	207.219.758	195.719.758
Cộng	<u>23.631.505.896</u>	<u>17.016.192.126</u>

27. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả dài hạn	-	-

28. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay và nợ dài hạn	-	-

29. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và hoãn lại phải trả	-	-

30. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm		778.789.158
Số trích lập trong kỳ		183.340.712
Số chi trong kỳ		(41.737.750)
Số cuối kỳ		<u>920.392.120</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**31. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi sau thuế chưa phân phối
Số đầu năm trước	300.000.000.000	114.994.917.000	(9.703.995.196)	(280.763.897)	109.878.776.561	18.947.903.889	130.340.133.281
Tăng vốn trong năm	100.000.000.000						
Lợi nhuận trong năm trước							299.504.686.298
Trích lập các quỹ					15.466.256.618	7.733.128.309	(38.665.641.545)
Chia cổ tức năm trước							(50.478.099.000)
Thuế TNDN được ưu đãi							(2.511.218.995)
Các khoản khác		165.431.494.784	9.703.995.196	280.763.897			(8.341.256.620)
Số dư cuối năm trước	400.000.000.000	280.426.411.784	-	-	125.345.033.179	26.681.032.198	329.848.603.419
Số dư đầu năm nay	400.000.000.000	280.426.411.784	-	-	125.345.033.179	26.681.032.198	329.848.603.419
Tăng vốn góp trong năm							
LN các năm trước							
Lợi nhuận trong kỳ							99.031.512.780
Trích lập các quỹ							
Chia cổ tức năm nay							(80.000.000.000)
Các khoản khác							(10.928.348.141)
Số dư cuối kỳ	400.000.000.000	280.426.411.784	-	-	125.345.033.179	26.681.032.198	337.951.768.058

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của các cổ đông	363.575.100.000	363.575.100.000
Vốn đầu tư của Nhà nước	36.424.900.000	36.424.900.000
Thặng dư vốn cổ phần	280.426.411.784	280.426.411.784
Cổ phiếu quỹ	-	-
Cộng	<u>680.426.411.784</u>	<u>680.426.411.784</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.000.000	40.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	40.000.000	40.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>40.000.000</i>	<i>40.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.000.000	40.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>40.000.000</i>	<i>40.000.000</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Mệnh giá cổ phiếu năm trước 10.000 VND.

Mục đích trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu:

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh và đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

32. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng quỹ trong kỳ</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	116.305.873	-	72.055.000		44.250.873
Quỹ phúc lợi	17.450.804.430	-	1.432.290.435	215.393.426	15.803.120.569
Cộng	<u>17.567.110.303</u>	<u>-</u>	<u>1.504.345.435</u>	<u>215.393.426</u>	<u>15.847.371.442</u>

33. Nguồn kinh phí

Số đầu năm	421.576.114
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	-
Chi sự nghiệp	-
Giảm khác	
Kết chuyển vào TN khác	
Số cuối kỳ	<u>421.576.114</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

34. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	
Số đầu năm	545.109.914
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	
Khấu hao trong kỳ	(48.248.451)
Số cuối kỳ	496.861.463
	<hr/>
35. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	
Số đầu năm	94.012.857.143
Tăng trong kỳ	79.119.904.762
Giảm trong kỳ	94.012.857.143
Số cuối kỳ	79.119.904.762
	<hr/>
36. Nợ khó đòi đã xử lý	
Số đầu năm	610.503.034
Nợ khó đòi đã xử lý trong kỳ	-
Nợ khó đòi đã được thu hồi được trong kỳ	-
Số cuối kỳ	610.503.034
	<hr/>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Quý I)****37. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	374.379.110.167	253.922.841.291
- <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	2.642.182	1.941.599.599
- <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	373.771.962.615	251.361.047.248
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	576.581.733	620.194.444
- <i>Doanh thu khác</i>	27.923.637	-
Các khoản giảm trừ doanh thu:		-
- <i>Giảm giá hàng bán</i>		-
Doanh thu thuần	<u>374.379.110.167</u>	<u>253.922.841.291</u>
<i>Trong đó:</i>		
- <i>Doanh thu thuần bán hàng hóa</i>	2.642.182	1.941.599.599
- <i>Doanh thu thuần bán thành phẩm</i>	373.771.962.615	251.361.047.248
- <i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	576.581.733	620.194.444
- <i>Doanh thu khác</i>	27.923.637	-

38. Giá vốn hàng bán:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	-	1.974.781.417
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	228.056.716.235	142.140.464.164
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.808.966	394.181.204
Giá vốn hàng bán: Khác	36.450.292	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
Cộng	<u>228.095.975.493</u>	<u>144.509.426.785</u>

39. Doanh thu hoạt động tài chính:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	7.341.555.333	3.623.350.635
Lãi tiền cho vay	1.956.850.000	1.361.993.919
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn khác	7.500.000.000	
Thu nhập từ các khoản khác		172.767.516
Cộng	<u>16.798.405.333</u>	<u>5.158.112.070</u>

40. Chi phí tài chính:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	937.526.615	1.299.998.606
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		44.610.326
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		454.337.285
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	5.002.486.600	1.386.082.000
Cộng	<u>5.940.013.215</u>	<u>3.185.028.217</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**41. Chi phí bán hàng:**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	1.282.917.985	1.535.912.858
Chi phí vật liệu	480.000	11.120.000
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	88.199.000	228.750.950
Chi phí khấu hao TSCĐ	279.144.753	304.556.942
Chi phí dịch vụ mua ngoài	95.504.928	1.370.977.923
Chi phí bằng tiền khác	768.649.782	555.085.733
Cộng	<u>2.514.896.448</u>	<u>4.006.404.406</u>

42. Chi phí quản lý doanh nghiệp:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	2.474.118.877	3.068.921.326
Chi phí vật liệu quản lý	163.555.314	97.589.392
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.225.208.441	212.036.779
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.124.783.862	1.144.010.757
Thuế, phí và lệ phí, tiền thuê đất	6.896.693	155.841.552
Chi phí dự phòng, trợ cấp mất việc làm	183.340.712	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	514.854.693	593.748.537
Chi phí bằng tiền khác	1.992.599.699	1.135.045.997
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	14.686.999.522	10.106.141.260
Cộng	<u>22.372.357.813</u>	<u>16.513.335.600</u>

43. Thu nhập khác:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định		
Chi phí thanh lý vật tư, phế liệu	4.736.364	17.281.818
Xử lý công nợ		
Thu từ hoạt động sàn giao dịch	23.881.322	
Các khoản thu nhập khác	13.273.856	13.068
Cộng	<u>41.891.542</u>	<u>17.294.886</u>

44. Chi phí khác:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	-	32.948.193
Chi phí thanh lý vật tư, phế liệu	131.815.317	
Thuế bị phạt, bị truy thu	1.003.365	
Chi cho hoạt động của sàn giao dịch chứng khoán	5.083.110	-
Các khoản chi phí khác	81.000.577	953.408
Cộng	<u>218.902.369</u>	<u>33.901.601</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

45. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-

46. Lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Năm nay
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	99.031.512.780
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	99.031.512.780
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	40.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.476

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Năm nay
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân đầu năm	40.000.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	40.000.000

VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính		
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		31/03/2011	31/12/2010
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	78,73	74,18
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	21,27	25,82
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	32,31	20,19
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	67,69	79,81
Khả năng thanh toán		31/03/2011	31/12/2010
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	3,09	4,95
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	2,81	4,6
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,14	1,91
Tỷ suất sinh lời:		Quý I-2011	Quý I - 2010
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	%	33,76	17,26

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính		
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	%	25,31	13,00
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần cung cấp hàng hóa, dịch vụ	%	35,28	17,60
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần cung cấp hàng hóa, dịch vụ	%	26,45	13,26
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	7,63	5,49
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	5,72	4,14
<i>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu</i>	%	8,46	6,42

Lập ngày 15 tháng 04 năm 2011

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Tổng giám đốc****Đỗ Thị Thanh Hà****Lê Thị Huệ****Lê Văn Thanh**